

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/11/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+CTK3+BK20	7:25	18+2+2	0+0+0		15+5+2	0+0+0	
2		PVD2+BK10+BK3	7:25	8+9+4	0+0+0		2+7+13	0+0+0	
3		BK16+BK14+P2	7:25	4+0+18	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
4		P5+P6+P10	7:25	5+4+13	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
5		P11+MRM+CLO	9:25	12+10+0	0+0+0		6+13+3	0+0+0	
6		BK5+BK4+BK6	9:25	8+14+0	0+0+0		0+18+3	0+0+0	
7		RP3+TD3+P2	9:25	12+1+9	0+0+0		3+9+10	0+0+0	
8		VSP01+BK10+P10	11:25	11+1+10	0+0+0		0+7+13	0+0+0	
9		BK15+P9	11:25	6+16	0+0		6+16	0+0	

TTĐBSX

- 1/ Di về trong ngày P9 - 5 người
2/ Di về trong ngày - BK10- 3 người

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/11/2020	TO: P9 - CTK3 - BK20	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Phong - N.Anh - Luy	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN TOÀN	P9					75	D-HANH	Vietnamese
2	VASYANKIN	P9	08	1	10		100	KH-THAC	Russian
3	PHẠM ĐỨC BÌNH	P9	12	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	CHU MINH HUNG	P9	10	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ MINH THUY	P9	02	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VĂN THỊNH	P9					78	NPI	Vietnamese
7	NHÂM ĐIỆN BIÊN	P9					65	NPI	Vietnamese
8	LÊ VĂN LỢI	P9	06	1	5		75	YTE	Vietnamese
9	PHẠM QUANG TÀ	P9	11	1	5		65	NHATHAU	Vietnamese
10	TRẦN THANH HAI	P9	04	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BA KÝ	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ VĂN THOẠI	P9	03	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI NGOC THÂN	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ AN CHUNG	P9	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẠO THIÊN THUẬT	P9	01	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN CAO CHÍ	P9	05	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ MINH THUY	P9	08	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT THĂNG	P9					65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	47	1	5	50	65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN DINH HAI	CTK3	51	1	5		70	SBAY	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG PHU	BK20	49	1	5		80	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN VŨ HUNG	BK20	48	1	5	130	70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

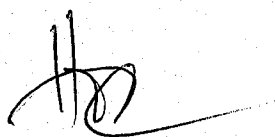
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	18	12	70	1.303	0	15		
2	CTK3	2	2	10	135	50	5		
3	BK20	2	2	10	150	130	2		
TOTAL		22	16	90	1.588	180	22		
WEIGHT KG				90	1.588	180			

GRAND TOAL: 1.858 KGS

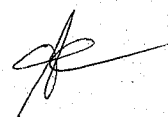
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: PVD2 - BK10 - BK3	CREW: ATUẤN - VThắng - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU TAM	PVD2	79-80	2	15		64	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TUNG	PVD2	82-83	2	20		91	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN LUAN	PVD2	75	1	11		62	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM XUAN DUC	PVD2	84-85	2	17		85	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG NAM	PVD2	81	1	13		66	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC PHONG	PVD2	76	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TUYEN	PVD2	78	1	11		74	KHOAN	Vietnamese
8	HUYNH QUANG TIEN	PVD2	77	1	12		83	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HOAI VU	BK10				60	65	D-HANH	Vietnamese
10	CRAPIVKA	BK10	18	1	4		85	KH-THAC	Russian
11	TRAN VAN CAN	BK10	14	1	4		65	ANTOAN	Vietnamese
12	NGUYEN CONG TAN	BK10	15	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
13	VU XUAN THUY	BK10	17	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO TUAN HUNG	BK10	13	1	6		54	KH-THAC	Vietnamese
15	LE TRONG LINH	BK10					80	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN CONG THANH	BK10	19	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
17	AFANASIEV	BK10	16	1	8		98	KH-THAC	Russian
18	VU DUY KHUONG	BK3	94	1	7	50	62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN PHUOC	BK3	93	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
20	LE NGOC THANG	BK3	95	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC TUAN	BK3	96	1	6		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	8	11	109	588	0	2		
2	BK10	9	7	35	678	60	7		
3	BK3	4	4	29	277	50	13		
TOTAL		21	22	173	1.543	110	22		
WEIGHT KG				173	1.543	110			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: BK16 - BK14 - P2	CREW: Hạnh - VLinH - Toan	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM MINH VŨ	BK16	18-19	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
2	NGÔ TRUNG KIẾN	BK16	23-25	3	17	20	71	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI CÔNG THANH	BK16	17	1	16	30	78	XAYLAP	Vietnamese
4	MAI DUY TÂN	BK16	20-22	3	19		63	XAYLAP	Vietnamese
5	CAO VĂN ĐẠU	P2	54	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ THANH LONG	P2	52	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	64	1	5	20	65	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ VĂN THỌ	P2	53	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU PHI	P2					71	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ ANH NGỌC	P2	50-51	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN KHẮC CÂN	P2	62	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY NGỌC	P2	49	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ CÔNG LŨU	P2	55-56	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THỂ ANH	P2	63	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC TÂN	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ QUÝ TOÀN	P2	66	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ THANH HẢI	P2	61	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẠO QUANG THIẾT	P2	59-60	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG TRONG THAO	P2	58	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGÔ THAI HÀ	P2	65	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
22	CAO VĂN HỘI	P2	57	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	4	9	70	290	50	0		
2	BK14	0	0	0	0	30	1		
3	P2	18	18	116	1.230	20	21		
TOTAL		22	27	186	1.520	100	22		
WEIGHT KG				186	1.520	100			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	TO: P5 - P6 - P10	CREW: Cương - TĐông - TDUNG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THỰC	P5	47	1	9		82	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN QUỐC ĐẠI	P5	36-37	2	17		82	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TÂN PHONG	P5	800	1	15	37	64	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI XUAN TRUONG	P5	46	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN TUẤN ANH	P5	45	1	8		93	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HỮU TUÔNG	P6	83	1	5		60	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN DANH TRUNG	P6	84	1	6		70	CODIEN	Vietnamese
8	TÔ TIẾN HÙNG	P6	82	1	6	40	78	CODIEN	Vietnamese
9	VŨ VĂN TÌNH	P6	85	1	8		75	CODIEN	Vietnamese
10	LÊ HOÀI THANH	P10	900,66	2	17		65	YTE	Vietnamese
11	HỒ ANH QUỐC	P10					73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	95	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ QUANG HÙNG	P10	88-89	2	6		67	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM HUYNH VŨ	P10	92	1	12		64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN BAO LÂM	P10	91	1	7	65	72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN NAM	P10	94	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN ĐĂNG TUẤN	P10	93	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TÁT THÀNH	P10	97-98	2	6		56	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM DUY QUANG	P10	96	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC THANH	P10	90	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ANH KHOA	P10	99	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	5	6	57	384	37	0		
2	P6	4	4	25	283	40	4		
3	P10	13	14	77	871	65	18		
TOTAL		22	24	159	1.538	142	22		
WEIGHT KG				159	1.538	142			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/11/2020	TO: P11 - MRM - CLO	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Phong - N.Anh - Luy	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TIEN	P11	21	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VIET DUNG	P11	23	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LUONG XUAN THAI	P11	24	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN BA THANH	P11	11	1	5		65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TRAN	P11	16,18	2	17		66	XAYLAP	Vietnamese
6	DUONG TUAN VIET	P11	15	1	15		71	XAYLAP	Vietnamese
7	LE CONG NAM	P11	14	1	10	40	65	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG CHUNG	P11	12-13	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
9	PANOV	P11	28	1	5		90	NIPI	Russian
10	SVYATOKHO	P11	27	1	7		80	NIPI	Russian
11	CHAU DINH HUY	P11	19-20	2	10		65	NIPI	Vietnamese
12	NGUYEN VAN LINH	P11	22	1	5		65	PSV	Vietnamese
13	KHALITOV NAFIS	MRM	37	1	5		80	XNK&SG-V	Russian
14	NGUYEN DOAN LONG	MRM	47	1	5		75	AMNGR	Vietnamese
15	DUONG TRUNG KIEN	MRM	45	1	5		60	XNDVL-VSI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TIET	MRM	31-32	2	17		75	XNDVL-VSI	Vietnamese
17	NGUYEN SY TUAN	MRM	34	1	12		71	XNDVL-VSI	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC NINH	MRM	33	1	12		74	XNDVL-VSI	Vietnamese
19	NGUYEN VIET TRUNG	MRM	43-44	2	15		87	XNK&SG-V	Vietnamese
20	TRAN QUANG HUNG	MRM	46	1	10		75	XNK&SG-V	Vietnamese
21	LUONG THE MINH	MRM	35	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	VU VAN GIANG	MRM	36	1	10		69	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	12	15	116	828	40	6		
2	MRM	10	12	96	736	0	13		
3	CLO	0	0	0	0	60	3		
TOTAL		22	27	212	1.564	100	22		
WEIGHT KG				212	1.564	100			

GRAND TOAL: 1.876 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: BK5 - BK4 - BK6	CREW: Cương - TĐông - TDUNG	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG THỂ VINH	BK5	35	1	12	112	70	KH-THAC	Vietnamese
2	VU ĐÌNH THUẬN	BK5	36-37	2	13		63	KH-THAC	Vietnamese
3	HA VAN TRUNG	BK5	39-41	3	22		80	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ BA HOÀ	BK5	34	1	18		77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN BẠN	BK5	31	1	7		68	PVE	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC THẮNG	BK5	33	1	8		72	PVE	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN QUANG	BK5	38	1	10		76	PVE	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HAI	BK5	32	1	7		84	PVE	Vietnamese
9	LÊ BA TUẤN	BK4	33	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TIỀN	BK4	34	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIỀN DŨNG	BK4					77	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO MINH HẢI	BK4	36	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN QUÂN	BK4	41-42	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM VĂN MAI	BK4	44	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN LÊ	BK4	37-38	2	14		69	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI ANH TUẤN	BK4	45-46	2	10		66	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH HÀ	BK4	43	1	16		58	XAYLAP	Vietnamese
18	TRUONG TRI THANH	BK4	47	1	12		61	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM ĐÌNH DŨNG	BK4	39-40	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
20	VU QUANG DƯƠNG	BK4	31-32	2	22		75	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	BK4	35	1	5		75	PSV	Vietnamese
22	PHẠM XUÂN MẠNH	BK4	29	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	8	11	97	590	112	0		
2	BK4	14	18	146	966	0	18		
3	BK6	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	29	243	1.556	112	21		
WEIGHT KG				243	1.556	112			

GRAND TOAL: 1.911 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	TO: RP3 - TD3 - P2	CREW: ATUẤN - VThắng - Năm	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ ĐÌNH HÀ	RP3	51-52	2	16		59	PVGAS	Vietnamese
2	ĐOÀN VĂN QUÂN	RP3	48	1	11		70	PVGAS	Vietnamese
3	THẠCH HOÀNG HẠ	RP3	44	1	5		68	PVGAS	Vietnamese
4	TRẦN HOÀNG KHANH	RP3	54	1	7		69	PVGAS	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NUÔI	RP3	43	1	5		55	PVGAS	Vietnamese
6	VÕ TÂN TÀI	RP3	42	1	12		68	PVGAS	Vietnamese
7	VÕ VĂN GIANG	RP3	45-46	2	20		68	PVGAS	Vietnamese
8	VI ĐỨC TỰ	RP3	49-50	2	18		65	PVGAS	Vietnamese
9	NGUYỄN MỘNG LONG	RP3	47	1	16		72	PVGAS	Vietnamese
10	LÊ VĂN TIẾN	RP3	53	1	9		52	PVGAS	Vietnamese
11	OLEYNIK IVAN	TD3	05	1	8	4	74	KHOAN	Russian
12	ĐO VIỆT LONG	P2	09	1	9	57	60	CODIEN	Vietnamese
13	NÔNG MINH HẢI	P2	10	1	9		73	CODIEN	Vietnamese
14	ĐẶNG TRỌNG DŨNG	P2	11	1	7		65	CODIEN	Vietnamese
15	CAO XUÂN DŨNG	P2	12	1	10		69	CODIEN	Vietnamese
16	PHẠM THAI SƠN	P2	13-14	2	15	54	55	CODIEN	Vietnamese
17	LÂM TÂN TOÀN	P2	08	1	10		73	KHI	Vietnamese
18	VŨ ĐỨC HOÀNG	P2	69	1	5		65	PVGAS	Vietnamese
19	VŨ VĂN HẠNH	P2	22-23	2	12		68	OMSC	Vietnamese
20	HUYNH VANG	P2	20-21	2	10		76	OMSC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	10	13	119	646	0	3		
2	TD3	1	1	8	74	4	9		
3	P2	9	12	87	604	111	10		
TOTAL		20	26	214	1.324	115	22		
WEIGHT KG				214	1.324	115			

GRAND TOTAL: 1.653 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 8	TO: VSP01 - BK10 - P10	CREW: Phong - NPhú - Luy	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUY HOANG	VSP01	91-92	2	20		55	TRƯỜNG	Vietnamese
2	DO VAN THANH	VSP01	14	1	9	9	55	TRƯỜNG	Vietnamese
3	NGO VAN THANH	VSP01	94	1	7	9	60	TRƯỜNG	Vietnamese
4	LUONG DINH LAC	VSP01	95-96	2	18		65	TRƯỜNG	Vietnamese
5	LE MINH NGA	VSP01	93	1	9		55	TRƯỜNG	Vietnamese
6	NGUYEN VIET ANH HOANG	VSP01	21-22	2	12		55	TRƯỜNG	Vietnamese
7	NGUYEN VAN PHI EM	VSP01	18-20	3	15		65	TRƯỜNG	Vietnamese
8	NGUYEN HUU Y	VSP01	97-99	3	15		90	TRƯỜNG	Vietnamese
9	NGUYEN DUY KHAI	VSP01	300	1	6		58	TRƯỜNG	Vietnamese
10	TRAN SON THIEN	VSP01	23-24	2	17		55	TRƯỜNG	Vietnamese
11	PHAM DUC HIEP	VSP01	15-16	2	15		65	TRƯỜNG	Vietnamese
12	NGUYEN THANH SON	BK10	23	1	5	15	76	PSV	Vietnamese
13	LE CHI HIEU	P10	78	1	5	45	66	KH-THAC	Vietnamese
14	VU DINH CUONG	P10	79	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TOAN	P10	70	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN CUONG	P10	71	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
17	TRUONG VAN MINH	P10	72	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM HIEU LIEM	P10	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HUU THANH	P10	82	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC TUAN	P10	75-76	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
21	HO NGOC THANH	P10	74	1	6		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	11	20	143	678	18	0		
2	BK10	1	1	5	76	15	7		
3	P10	9	10	58	586	45	13		
TOTAL		21	31	206	1.340	78	20		
WEIGHT KG				206	1.340	78			

GRAND TOAL: 1.624 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:35
FLIGHT: 9	TO: BK15 - P9	CREW: VThắng - MTHAO - THỤ	ETA: 13:15
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	79	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	BK15	80	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU LƯU	BK15	78	1	5	20	70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH CÔNG	BK15	0				62	KH-THAC	Vietnamese
5	HÀ VĂN PHONG	BK15	77	1	6		62	XAYLAP	Vietnamese
6	HÀ VĂN NIỆM	BK15	76	1	5		75	PSV	Vietnamese
7	TRẦN VĂN DŨNG	P9	59	1	3		54	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT CUƠNG	P9	49	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC LƯỢNG	P9	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ NGỌC THANH	P9	56	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HẢI	P9	58	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI VĂN TUÂN	P9	50	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC VĂN	P9	62	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM ĐỨC TÀI	P9	55	1	5	25	64	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HÀ	P9	54	1	4	60	68	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ SỸ BÌNH	P9	53	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN TÙNG	P9	57	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P9	47	1	9		82	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN KHA	P9	51-52	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐỖ NGỌC SƠN	P9	60	1	19		82	XAYLAP	Vietnamese
21	CAO KINH THAO	P9	48	1	10	20	70	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	6	5	24	393	20	6		
2	P9	15	16	113	1.059	105	16		
TOTAL		21	21	137	1.452	125	22		
WEIGHT KG				137	1.452	125			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/11/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: BK5 - BK4 - BK6	CREW: Cương - TĐông - TDUNG	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG THẾ VINH	BK5	35	1	12	112	70	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ ĐÌNH THUẬN	BK5	36-37	2	13		63	KH-THAC	Vietnamese
3	HÀ VĂN TRUNG	BK5	39-41	3	22		80	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ BA HOÀ	BK5	34	1	18		77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN BẠN	BK5	31	1	7		68	PVE	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC THẮNG	BK5	33	1	8		72	PVE	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN QUANG	BK5	38	1	10		76	PVE	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HAI	BK5	32	1	7		84	PVE	Vietnamese
9	LÊ BA TUẤN	BK4	33	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TIẾN	BK4	34	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK4					77	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO MINH HAI	BK4	36	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN QUAN	BK4	41-42	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM VĂN MAI	BK4	44	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN LÊ	BK4	37-38	2	14		69	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI ANH TUẤN	BK4	45-46	2	10		66	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH HÀ	BK4	43	1	16		58	XAYLAP	Vietnamese
18	TRƯƠNG TRI THANH	BK4	47	1	12		61	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM ĐÌNH DŨNG	BK4	39-40	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
20	VŨ QUANG DƯƠNG	BK4	31-32	2	22		75	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	BK4	35	1	5		75	PSV	Vietnamese
22	PHẠM XUÂN MẠNH	BK4	29	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	8	11	97	590	112	0		
2	BK4	14	18	146	966	0	18		
3	BK6	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	29	243	1.556	112	21		
WEIGHT KG				243	1.556	112			

GRAND TOAL: 1.911 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN